

Số: 119/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Mỹ, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Trần Thanh R, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Thanh R và bà Huỳnh Thị T là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 08 tháng 8 năm 2011; số vào sổ 121, quyển số 1, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 9 tháng 6 năm 2020, ông R và bà T xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông R và bà T thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông R có 01 con chung là Trần Thị Thủy H, sinh ngày 04/7/2011, khi ly hôn bà T và ông R thỏa thuận, giao cho ông R trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu H trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Trần Thanh R và bà Huỳnh Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Thanh R và bà Huỳnh Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Trần Thanh R và bà Huỳnh Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông R có 01 con chung là Trần Thị Thủy H, sinh ngày 04/7/2011. Căn cứ theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận giữa bà T và ông R, nay giao cho ông R trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không có ai được quyền cản trở bà thực hiện quyền này.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T góp cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian góp cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu H trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông Trần Thanh R và bà Huỳnh Thị T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001083 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên ông R và bà T đã nộp xong.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND Ủy ban nhân dân phường S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Thái**

